

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ : 58 Yersin - Phường Phương Sơn - Nha trang

=====

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**QUÝ I NĂM 2018**

**NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12**

**NĂM 2018**

# **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

Khánh hòa ngày 18 tháng 04 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin - Phường Phương Sài - TP Nha Trang

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

TẠI NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2018

ĐVT : VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>129.649.701.098</b>	<b>137.473.684.808</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>27.476.432.583</b>	<b>25.035.408.807</b>
1. Tiền	111		6.319.703.029	6.919.190.096
- Tiền mặt	111A		320.456.009	44.272.027
- Tiền gửi ngân hàng	111B		5.999.247.020	6.874.918.069
- Tiền đang chuyển	111C		0	0
2. Các khoản tương đương tiền	112		21.156.729.554	18.116.218.711
- Tiền gửi có kỳ hạn: &lt;= 3 tháng	112A		21.156.729.554	18.116.218.711
- Các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn: &lt;= 3 tháng	112B		0	0
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>21.000.000.000</b>	<b>21.000.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		21.000.000.000	21.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn: &gt; 3 tháng và &lt;= 12 tháng	123A		21.000.000.000	21.000.000.000
- Trái phiếu: ngắn hạn	123B		0	0
- Các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn: &gt; 3 tháng và &lt;= 12 tháng	123C		0	0
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>37.865.394.320</b>	<b>48.077.835.254</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		33.129.268.652	46.898.760.450
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.950.430.610	983.756.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
- Phải thu nội bộ về chênh lệch tỷ giá: ngắn hạn	133A		0	0
- Phải thu nội bộ về chi phí đi vay đủ điều kiện được vốn hoá: ngắn hạn	133B		0	0
- Phải thu nội bộ khác: ngắn hạn	133C		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		-214.304.942	195.318.804
- Phải thu về cổ phần hóa: ngắn hạn	136A		0	0

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Phải thu ngắn hạn khác (13881)	136B		137.987.450	58.715.411
- Phải thu ngắn hạn khác (33881)	136C		0	47.612.393
- Tạm ứng: ngắn hạn	136D		-372.292.392	56.720.000
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược: ngắn hạn	136E		20.000.000	32.271.000
- Phải thu người lao động	136F		0	0
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		0	0
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		0	0
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>40.930.539.194</b>	<b>40.135.637.265</b>
1. Hàng tồn kho	141		40.930.539.194	40.135.637.265
- Hàng mua đang đi trên đường	141A		0	0
- Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	141B		39.155.089.223	38.359.747.754
- Công cụ, dụng cụ trong kho	141C		0	0
- Chi phí SXKD dở dang	141D		1.775.449.971	1.775.889.511
- Thành phẩm tồn kho	141E		0	0
- Hàng hóa tồn kho	141F		0	0
- Hàng gửi đi bán	141G		0	0
- Hàng hóa kho bảo thuế	141H		0	0
- Thiết bị, phụ tùng thay thế: dài hạn	141I		0	0
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.377.335.001</b>	<b>3.224.803.482</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.377.335.001	1.526.970.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		0	1.697.833.482
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		0	0
- Thuế GTGT phải nộp (3331)	153A		0	0
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	153B		0	0
- Thuế xuất, nhập khẩu	153C		0	0
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	153D		0	0
- Thuế thu nhập cá nhân	153E		0	0
- Thuế tài nguyên	153F		0	0
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	153G		0	0
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	153H		0	0
- Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	153I		0	0
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>407.041.708.731</b>	<b>417.647.249.851</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>0</b>	<b>274.416.885</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
- Phải thu nội bộ về chênh lệch tỷ giá: dài hạn	214A		0	0
- Phải thu nội bộ về chi phí đi vay đủ điều kiện được vốn hoá: dài hạn	214B		0	0
- Phải thu nội bộ khác: dài hạn	214C		0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216		0	274.416.885
- Phải thu về cổ phần hóa: dài hạn	216A		0	0
- Phải thu dài hạn khác (13882)	216B		0	0
- Phải thu dài hạn khác (33882)	216C		0	0
- Tạm ứng: dài hạn	216D		0	0
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược: dài hạn	216E		0	0
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>374.236.133.211</b>	<b>381.192.464.132</b>
1. TSCĐ hữu hình	221		355.333.313.636	361.827.391.105
- Nguyên giá	222		775.066.306.165	758.375.144.005
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-419.732.992.529	-396.547.752.900
2. TSCĐ thuê tài chính	224		0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3. TSCĐ vô hình	227		18.902.819.575	19.365.073.027
- Nguyên giá	228		27.837.385.000	27.837.385.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-8.934.565.425	-8.472.311.973
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
- Nguyên giá	231		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		0	0
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>8.237.828.154</b>	<b>12.272.501.468</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		0	0
- Chi phí SXKD dở dang: dài hạn	241A		0	0
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: chi phí dở dang dài hạn Cơ sở	241B		0	0
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: chi phí dở dang dài hạn	241C		0	0

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		8.237.828.154	12.272.501.468
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>24.567.747.366</b>	<b>23.907.867.366</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		24.000.000.000	24.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		0	0
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-92.132.634	-92.132.634
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
- Tiền gửi có kỳ hạn: > 12 tháng	255A		0	0
- Trái phiếu: dài hạn	255B		0	0
- Các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn: > 12 tháng	255C		0	0
VI. Tài sản dài hạn khác	260		659.880.000	0
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		659.880.000	0
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		0	0
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262A		0	0
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	262B		0	0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		0	0
- Thiết bị, phụ tùng thay thế: dài hạn	263A		0	0
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: thiết bị, phụ tùng thay thế dài hạn	263B		0	0
4. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>536.691.409.829</b>	<b>555.120.934.659</b>

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>227.196.659.178</b>	<b>252.916.958.342</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>78.070.428.062</b>	<b>104.496.202.675</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		19.165.229.547	33.660.495.540
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.198.130.000	3.335.896.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		7.119.534.812	7.158.116.687
- Thuế GTGT phải nộp	313A		471.496.612	0
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	313B		0	0
- Thuế xuất, nhập khẩu	313C		0	0
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	313D		233.801.459	497.595.465
- Thuế thu nhập cá nhân	313E		200.160.000	380.626.550
- Thuế tài nguyên	313F		114.549.720	109.813.200
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	313G		0	10.815.400
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	313H		0	0
- Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	313I		6.099.527.021	6.159.266.072
4. Phải trả người lao động	314		14.187.584.869	18.350.952.069
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.312.684.208	3.452.545.274
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		0	0
- Phải trả nội bộ về chênh lệch tỷ giá: ngắn hạn	316A		0	0
- Phải trả nội bộ về chi phí đi vay đủ điều kiện được vốn hoá: ngắn hạn	316B		0	0
- Phải trả nội bộ khác: ngắn hạn	316C		0	0
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		0	50.841.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		982.274.818	2.797.458.963
- Tài sản thừa chờ giải quyết	319A		0	0
- Kinh phí công đoàn	319B		562.290.500	622.397.551
- Bảo hiểm xã hội	319C		169.984.318	0
- Bảo hiểm y tế	319D		0	0
- Phải trả về cổ phần hóa: ngắn hạn	319E		0	0
- Bảo hiểm thất nghiệp	319F		0	0
- Phải trả ngắn hạn khác (33881)	319G		0	1.155.061.412
- Phải trả ngắn hạn khác (13881)	319H		0	0
- Nhận ký quỹ, ký cược: ngắn hạn	319I		250.000.000	1.020.000.000
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		28.167.468.530	30.250.809.864
- Các khoản đi vay: ngắn hạn	320A		28.167.468.530	30.250.809.864
- Nợ thuê tài chính: ngắn hạn	320B		0	0

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Mệnh giá trái phiếu: ngắn hạn	320C		0	0
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		0	0
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa: ngắn hạn	321A		0	0
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng: ngắn hạn	321B		0	0
- Dự phòng tái cơ cấu doanh nghiệp: ngắn hạn	321C		0	0
- Dự phòng phải trả khác: ngắn hạn	321D		0	0
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.937.521.278	5.439.087.278
13. Quỹ bình ổn giá	323		0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		0	0
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>149.126.231.116</b>	<b>148.420.755.667</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		0	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		0	0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		0	0
- Phải trả nội bộ về chênh lệch tỷ giá: dài hạn	335A		0	0
- Phải trả nội bộ về chi phí đi vay đủ điều kiện được vốn hoá: dài hạn	335B		0	0
- Phải trả nội bộ khác: dài hạn	335C		0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		0	0
7. Phải trả dài hạn khác	337		10.050.237.423	8.766.571.308
- Phải trả về cổ phần hóa: dài hạn	337A		0	0
- Phải trả dài hạn khác (33882)	337B		5.477.437.423	4.193.771.308
- Phải trả dài hạn khác (13882)	337C		0	0
- Nhận ký quỹ, ký cược: dài hạn	337D		4.572.800.000	4.572.800.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		137.151.224.031	137.729.414.697
- Các khoản đi vay: dài hạn	338A		137.151.224.031	137.729.414.697
- Nợ thuê tài chính: dài hạn	338B		0	0
- Mệnh giá trái phiếu: dài hạn	338C		0	0
- Chiết khấu trái phiếu	338D		0	0
- Phụ trội trái phiếu	338E		0	0
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		0	0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		0	0
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341A		0	0
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	341B		0	0

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		0	0
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa: dài hạn	342A		0	0
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng: dài hạn	342B		0	0
- Dự phòng tái cơ cấu doanh nghiệp: dài hạn	342C		0	0
- Dự phòng phải trả khác: dài hạn	342D		0	0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1.924.769.662	1.924.769.662
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>309.494.750.651</b>	<b>302.203.976.317</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>309.494.750.651</b>	<b>302.203.976.317</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		260.000.000.000	260.000.000.000
- Vốn góp của Nhà nước	411A		206.000.000.000	206.000.000.000
- Vốn góp của các thể nhân khác	411B		54.000.000.000	54.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		852.875.935	852.875.935
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		0	0
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		0	-314.400.000
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.655.926.000	7.655.926.000
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		40.985.948.716	34.009.574.382
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421A		34.009.574.382	4.576.565.260
- LNST chưa phân phối kỳ này	421B		6.976.374.334	29.433.009.122
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		0	0
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Nguồn kinh phí	431		0	0
- Nguồn kinh phí	431A		0	0
- Chi sự nghiệp	431B		0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		0	0
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>536.691.409.829</b>	<b>555.120.934.659</b>

0 0

Khánh Hòa ngày 07 tháng 04 năm 2018

Lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Nguyễn Văn Quân

Trần Văn Huy



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

58 Yersin - Phường Phương Sài - TP Nha Trang

**BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Báo cáo theo thông tư 200, từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018...

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>75.273.291.511</b>	<b>64.870.611.915</b>
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01A		75.273.291.511	64.870.611.915
- Thuế TTĐB, thuế XK, thuế GTGT tr/t phải nộp	01B			
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>		<b>6.362.272</b>	<b>5.608.000</b>
+ Chiết khấu thương mại	02A			
+ Giảm giá	02B			
+ Hàng bán bị trả lại	02C		6.362.272	5.608.000
+ Doanh thu chưa thực hiện	02D			
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01- 02)</b>	<b>10</b>		<b>75.266.929.239</b>	<b>64.865.003.915</b>
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>		<b>64.134.525.591</b>	<b>55.924.356.874</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>11.132.403.648</b>	<b>8.940.647.041</b>
<b>6. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>21</b>		<b>171.629.376</b>	<b>465.951.507</b>
<b>7. Chi phí tài chính</b>	<b>22</b>		<b>1.287.118.244</b>	<b>1.315.161.451</b>
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.287.118.244	1.315.161.451
<b>8. Chi phí bán hàng</b>	<b>25</b>		<b>311.287.563</b>	<b>129.722.727</b>
<b>9. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>26</b>		<b>1.846.841.580</b>	<b>949.689.934</b>
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>7.858.785.637</b>	<b>7.012.024.436</b>
<b>11. Thu nhập khác</b>	<b>31</b>		<b>1.024.057.882</b>	<b>1.316.930.368</b>
<b>12. Chi phí khác</b>	<b>32</b>		<b>970.263.191</b>	<b>1.382.703.135</b>
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>53.794.691</b>	<b>-65.772.767</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>7.912.580.328</b>	<b>6.946.251.669</b>
<b>15. Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>		<b>936.205.994</b>	<b>716.136.893</b>
<b>16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>			
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phải trả	52A			
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phải thu	52B			
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>6.976.374.334</b>	<b>6.230.114.776</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>			
<b>19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>71</b>			

Khánh Hòa ngày 18 tháng 04 năm 2018

Lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc









**Nguyễn Văn Quân**

**Trần Văn Huy**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

58 Yersin - Phường Phương Sài - TP Nha Trang

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP**

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm - TT200, từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018...

Mã số	Chỉ tiêu	Mã số in	Thuyết	Năm nay	Năm trước
<b>I1</b>	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		110.922.857.431	85.307.080.765
01A	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01A		110.922.857.431	85.307.080.765
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		-46.721.641.854	-34.313.105.296
02A	- Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ [A]	02A		-1.262.716.828	-1.067.511.242
02B	- Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ [B]	02B		-45.458.925.026	-33.245.594.054
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	03		-23.344.428.434	-19.453.293.016
04	4. Tiền lãi vay đã trả	04		-1.287.118.244	-1.315.161.451
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-1.200.000.000	-700.000.000
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.044.853.826	919.354.095
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		-33.510.824.675	-29.390.604.835
20	1. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.903.698.050	1.054.270.262
<b>I2</b>	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-1.166.276.218	-1.698.481.446
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		40.900.000	
22A	- Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22A		40.900.000	
22B	- Tiền chi liên quan đến t/lý, nhượng bán TSCĐ và các TS khác	22B			
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			5.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			-13.800.000.000
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.833.944	10.526.507
30	2. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-1.115.542.274	-10.487.954.939

Mã số	Chỉ tiêu	Mã số in	Thuyết	Năm nay	Năm trước
I3	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		314.400.000	
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32			
33	3. Tiền thu từ đi vay	33			
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-2.661.532.000	-1.412.173.000
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			-36.106.000
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
40	3. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-2.347.132.000	-1.448.279.000
50	4. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		2.441.023.776	-10.881.963.677
<b>60</b>	<b>5. Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>25.035.408.807</b>	<b>39.038.159.183</b>
61	6. Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
61A	- Lãi do đánh giá chênh lệch tỷ giá	61A			
61B	- Lỗ do đánh giá chênh lệch tỷ giá	61B			
62	7. Ảnh hưởng của việc tái phân loại các khoản tương đương tiền cuối kỳ	62			
<b>70</b>	<b>8. Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61+62)</b>	<b>70</b>		<b>27.476.432.583</b>	<b>28.156.195.506</b>

Khánh Hòa ngày 18 tháng 04 năm 2018

Lập biểu



Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Quân

Tổng Giám đốc



Trần Văn Huy

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

---

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

#### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

##### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần.

##### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, dịch vụ.

##### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất và cung cấp nước sạch; Thi công lắp đặt công trình trạm bơm và đường ống cấp thoát nước; Thiết kế mạng lưới và công trình trạm bơm cấp thoát nước; Tư vấn thẩm tra mạng lưới và công trình trạm bơm cấp thoát nước..

##### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

##### **5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Doanh thu và lợi nhuận kỳ này tăng so với cùng kỳ năm trước do Công ty điều chỉnh giá nước sinh hoạt từ ngày 01/01/2017 theo Quyết định số 3555/QĐ-UB ngày 23/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Mặt khác Công ty ngày càng mở rộng việc khai thác khách hàng sử dụng nước sinh hoạt tăng theo tốc độ phát triển đô thị trên địa bàn Thành Phố Nha Trang và Huyện Diên Khánh.

##### **6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

##### **7. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 331 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 03 năm 2018).

#### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

##### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

##### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### **3. Các khoản đầu tư tài chính**

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

##### *Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết*

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

#### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### **4. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### **5. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí cố liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### **6. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là lợi thế kinh doanh, chi phí công cụ, dụng cụ, các tuyến ống, chi phí sửa chữa, đồng hồ thay mới,... Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### ***Lợi thế kinh doanh***

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty. Lợi thế kinh doanh được phân bổ trong 3 năm kể từ thời điểm chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần.

##### ***Chi phí trả trước dài hạn khác***

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm: công cụ, dụng cụ, các tuyến ống, chi phí sửa chữa, đồng hồ thay mới,... đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

#### **7. Tài sản thuê hoạt động**

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ảnh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### **8. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc và thiết bị	3 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10

#### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,.... Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất.

##### *Chương trình phần mềm máy tính*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

##### *Tài sản cố định vô hình khác*

Tài sản cố định vô hình khác là toàn bộ chi phí mà Công ty đã chi ra để lập quy hoạch hệ thống cấp nước TP. Nha Trang và Huyện Diên Khánh đến 2010 và định hướng đến 2025. Tài sản này được khấu hao 15 năm.

#### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### **11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### **12. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
  - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
  - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm.
  - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
  - Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
  - Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
  - Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
  - Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Tài sản cố định hình thành từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ được ghi giảm quỹ tương ứng và không phải trích khấu hao.

Mức trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ không quá 10% thu nhập tính thuế trong kỳ và do Hội đồng quản trị quyết định căn cứ theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện có tại quỹ thì khoản chi vượt được tính vào chi phí hoặc phân bổ cho các năm sau.

#### **13. Vốn chủ sở hữu**

##### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### ***Vốn khác của chủ sở hữu***

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

#### ***Cổ phiếu quỹ***

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

#### **14. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### **15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### ***Doanh thu bán hàng hóa***

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

##### ***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### **16. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### **17. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### **18. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 21. Công cụ tài chính

##### Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

##### Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

##### Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

##### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tiền mặt	320.456.009	44.272.027
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.999.247.020	6.874.918.069
Các khoản tương đương tiền	21.156.729.554	18.116.218.711
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	21.156.729.554	18.116.218.711
<b>Cộng</b>	<b>27.476.432.583</b>	<b>25.035.408.807</b>

##### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>21.000.000.000</b>	<b>21.000.000.000</b>	<b>21.000.000.000</b>	<b>21.000.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	21.000.000.000	21.000.000.000	21.000.000.000	21.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>21.000.000.000</b>	<b>21.000.000.000</b>	<b>21.000.000.000</b>	<b>21.000.000.000</b>

**2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>24.000.000.000</b>	<b>(92.132.634)</b>	<b>24.000.000.000</b>	<b>(92.132.634)</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu <sup>(*)</sup>	24.000.000.000	(92.132.634)	24.000.000.000	(92.132.634)
<b>Cộng</b>	<b>24.000.000.000</b>	<b>(92.132.634)</b>	<b>24.000.000.000</b>	<b>(92.132.634)</b>

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201574467 ngày 27 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu 24.000.000.000VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 24.000.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ.

*Giá trị hợp lý*

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

*Tình hình hoạt động của công ty liên doanh, liên kết*

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu đã đi vào hoạt động kinh doanh trong năm 2017 và bắt đầu phát sinh doanh thu.

*Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	92.132.634	-
Trích lập dự phòng	-	92.132.634
<b>Số cuối năm</b>	<b>92.132.634</b>	<b>92.132.634</b>

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>33.000.000</b>
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng cấp thoát nước Suối Dầu	-	33.000.000
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>33.129.268.652</b>	<b>46.865.760.450</b>
Phải thu tiền nước khách hàng	32.628.849.652	29.550.495.960
Phải thu hoạt động xây lắp	500.419.000	576.121.490
Phải thu hoạt động nạo vét hệ thống nước	-	16.739.143.000
<b>Cộng</b>	<b>33.129.268.652</b>	<b>46.898.760.450</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<b>4.950.430.610</b>	<b>983.756.000</b>
Công ty TNHH Một thành viên Đồng Phát	951.424.000	395.510.000
Trường Đại học Lao động Xã hội - Cơ sở 2	240.000.000	240.000.000
Công ty CP đầu tư phát triển hạ tầng và môi trường ( IDECA)	194.646.000	194.646.000
Công ty TNHH thương mại và Công nghệ B.A.C.A.U	2.939.796.610	-
Các nhà cung cấp khác	624.564.000	348.246.000
<b>Cộng</b>	<b>4.950.430.610</b>	<b>983.756.000</b>

**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>332.700.768</b>	-	<b>195.318.804</b>	-
Thuế TNCN phải thu nhân viên	69.664.450	-	-	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	-	-	58.715.411	-
Các khoản ký quỹ, ký cược	76.052.000	-	32.271.000	-
Tạm ứng CBCNV-XN	-372.292.392	-	56.720.000	-
Phải thu Bảo hiểm xã hội	0	-	47.612.393	-
Phải thu tiền thanh lý vật tư	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-214.304.942</b>	-	<b>195.318.804</b>	-

**6. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	39.155.089.223	-	38.359.747.754	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.775.449.971	-	1.775.889.511	-
<b>Cộng</b>	<b>40.930.539.194</b>	-	<b>40.135.637.265</b>	-

**7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	59.275.318.936	194.181.452.883	503.407.646.851	1.510.725.335	758.375.144.005
Mua trong kỳ	-	436.394.160	-	-	436.394.160
Đầu tư XDCB hoàn thành	2.862.877.000	2.170.106.000	11.221.785.000	-	162.547.680.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>62.138.195.936</b>	<b>196.787.953.043</b>	<b>514.629.431.851</b>	<b>1.510.725.335</b>	<b>775.066.306.165</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	10.922.173.187	25.046.099.453	46.242.256.033	1.318.998.062	83.529.526.735
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu kỳ	35.554.020.455	95.120.188.862	264.588.727.327	1.284.816.256	396.547.752.900
Khấu hao trong kỳ	1.413.605.862	9.246.871.911	12.463.951.260	60.810.596	23.185.239.629
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>36.967.626.317</b>	<b>104.367.060.773</b>	<b>277.052.678.587</b>	<b>1.345.626.852</b>	<b>419.732.992.529</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu kỳ	23.721.298.481	99.061.264.021	238.818.919.524	225.909.079	361.827.391.105
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>25.170.569.619</b>	<b>92.420.892.270</b>	<b>237.576.753.264</b>	<b>165.098.483</b>	<b>355.333.313.636</b>

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 90.741.086.122 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Quỹ đầu tư Phát triển Khánh Hòa (xem thuyết minh V.18b).

**8. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu kỳ	24.636.685.000	2.579.904.000	620.796.000	27.837.385.000
Mua trong kỳ	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>24.636.685.000</b>	<b>2.579.904.000</b>	<b>620.796.000</b>	<b>27.837.385.000</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu kỳ	5.526.828.673	2.579.904.000	365.579.300	8.472.311.973
Khấu hao trong kỳ	451.906.851	-	10.346.601	462.253.452
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>5.978.735.524</b>	<b>2.579.904.000</b>	<b>375.925.901</b>	<b>8.934.565.425</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu kỳ	19.109.856.327	-	255.216.700	19.365.073.027
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>18.657.949.476</b>	<b>-</b>	<b>244.870.099</b>	<b>18.902.819.575</b>
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 3.511.308.327 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Quỹ đầu tư Phát triển Khánh Hòa (xem thuyết minh V.18b).

**9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>12.272.501.468</b>	<b>86.369.589.337</b>	<b>(72.169.182.000)</b>	<b>(24.788.261.272)</b>	<b>12.272.501.468</b>
- Dự án cấp nước đào Trí Nguyên	3.472.001	-	(3.472.001)	-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
- Dự án mở rộng nâng cấp hệ thống nước TP. Nha Trang	1.053.702.202	-	-	-	1.053.702.202
- Dự án nhà hành chính nhà máy nước Võ Cạnh	1.028.601.818		(134.997.273)	-	-
- Dự án xử lý bùn nhà máy nước Võ Cạnh	1.092.237.273	-	-	-	1.092.237.273
- Các công trình tuyến ống cấp nước	9.094.488.174	16.087.321.221	(15.345.606.726)	(4.637.918.535)	6.091.888.679
<b>Cộng</b>	<b>12.272.501.468</b>	<b>16.087.321.221</b>	<b>(15.484.076.000)</b>	<b>(4.637.918.535)</b>	<b>8.237.828.154</b>

**10. Chi phí trả trước**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
<b>Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		
Đồng hồ thay mới	-	-
Hệ thống nước	-	-
Chi phí khác	2.377.335.001	647.130.000
<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>659.880.000</b>	<b>879.840.000</b>
<b>Cộng</b>	<b>3.037.215.001</b>	<b>1.526.970.000</b>

**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>3.634.818.000</b>	<b>3.412.068.000</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu	3.634.818.000	3.412.068.000
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>15.530.411.547</b>	<b>30.248.917.341</b>
Công ty TNHH Dũng Lợi	1.441.492.000	11.713.925.000
Công ty TNHH Thương mại N.T.P	5.272.912.700	6.467.301.500
Công ty TNHH Minh Thông	176.254.333	3.115.625.781
Công ty Cổ phần HAWACO Miền Nam	3.307.700.000	4.860.805.400
Công ty Cổ phần nhựa Đồng Nai	2.253.282.174	3.046.604.660
Công ty Cổ phần tự động công nghiệp OMINA	-	558.899.000
Công ty cổ phần công nghệ Bách Việt	867.654.260	-
Các nhà cung cấp khác	3.652.608.080	1.044.165.199
<b>Cộng</b>	<b>19.165.229.547</b>	<b>33.660.495.540</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>2 198 130 000</i>	<i>3.365.896.000</i>
Ban Quản lý dự án các dự án ĐTXD các công trình NN & PTNT tỉnh Khánh Hòa	-	974.413.000
Trung tâm phát triển quỹ đất Tỉnh Khánh hòa	1.261.098.000	1.261.098.000
Các khách hàng khác	937.032.000	1.030.385.000
<b>Cộng</b>	<b>2.198.130.000</b>	<b>3.335.896.000</b>

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	5.528.797.375	(5.057.300.763)	471.496.612	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	497.595.465	-	936.205.994	(1.200.000.000)	233.801.459	-
Thuế thu nhập cá nhân	380.626.550	-	723.880.000	(904.346.550)	200.160.000	-
Thuế tài nguyên	109.813.200	-	325.225.320	(320.488.800)	114.549.720	-
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	10.815.400	-	-	(10.815.400)	-	-
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	6.159.266.072	-	16.981.509.970	(17.041.249.021)	6.099.527.021	-
<i>Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt</i>	<i>517.367.064</i>	<i>-</i>	<i>1.734.796.572</i>	<i>(1.636.801.841)</i>	<i>615.361.795</i>	<i>-</i>
<i>Phí thoát nước đô thị</i>	<i>5.183.534.036</i>	<i>-</i>	<i>14.946.082.208</i>	<i>(14.783.187.946)</i>	<i>5.020.639.774</i>	<i>-</i>
<i>Phí dịch vụ bảo vệ môi trường rừng</i>	<i>458.364.972</i>	<i>-</i>	<i>463.525.452</i>	<i>(458.364.972)</i>	<i>463.525.452</i>	<i>-</i>
<i>Thuế, phí khác</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<b>Cộng</b>	<b>7.158.116.687</b>	<b>-</b>	<b>24.498.618.659</b>	<b>(24.537.200.534)</b>	<b>7.119.534.812</b>	<b>-</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động cung cấp nước sạch	5%
- Hoạt động xây lắp, khảo sát thiết kế và dịch vụ khác	10%

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất nước theo công văn 143/CT-TTHT ngày 10 tháng 01 năm 2013 của Cục thuế Tỉnh Khánh Hòa và Quyết định 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ Tướng Chính Phủ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Thu nhập từ các hoạt động khác nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.912.580.328
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	
- Các khoản điều chỉnh tăng	19.500.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	-
Thu nhập chịu thuế	7.932.080.328
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>1.586.416.066</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</b>	<b>650.210.072</b>
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>936.205.994</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

**Thuế tài nguyên**

Công ty phải nộp thuế tài nguyên đối với mặt nước phục vụ sản xuất với giá tính thuế là 4.000 VND/m<sup>3</sup> và giảm còn 3.000 VND/m<sup>3</sup> từ ngày 01 tháng 10 năm 2017, thuế suất là 1%.

**Thuế nhà đất**

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>1 312 684 208</b>	<b>3.452.545.274</b>
Chi phí công trình	87 709 091	1.019.008.214
Chi phí lãi vay phải trả	-	252.607.121
Chi phí tiền điện sản xuất	-	582.740.500
Chi phí hỗ trợ phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt		478.240.890
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.225.975.117	1.119.948.549
<b>Cộng</b>	<b>1 312 684 208</b>	<b>3.452.545.274</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****15. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác****15a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	-	2.797.458.963
Kinh phí công đoàn	562.290.500	622.397.551
Bảo hiểm xã hội	169.984.318	-
Nhận đặt cọc lắp đặt hệ thống ống nước	250.000.000	1.020.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	-	1.155.061.412
<b>Cộng</b>	<b>982.274.818</b>	<b>2.797.458.963</b>

**15b. Phải trả dài hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	4.193.771.308	4.193.771.308
Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa - Nhận bàn giao tài sản	4.193.771.308	4.193.771.308
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	4.572.800.000	4.572.800.000
Tiền lãi vay ân hạn phải trả - Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (*)	4.572.800.000	4.572.800.000
Các đơn vị liên quan khác	1.283.666.225	-
<b>Cộng</b>	<b>10.050.237.423</b>	<b>8.766.571.308</b>

(\*) Tiền lãi vay ân hạn phải trả dài hạn căn cứ theo lịch trả nợ của Biên bản làm việc với Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa. Tiền lãi được trả định kỳ 06 tháng một lần, mỗi kỳ 888.400.000 VND.

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

**16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn****16a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i>	28.167.468.530	30.256.827.530
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	9.026.160.000	9.026.160.000
- Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa	6.940.641.000	9.030.000.000
- Ngân sách tỉnh Khánh Hòa	12.200.667.530	12.200.667.530
<b>Cộng</b>	<b>28.167.468.530</b>	<b>30.256.827.530</b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

Số đầu năm	30.256.827.530
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-
Số tiền vay đã trả trong năm	2.661.532.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>28.167.468.530</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****16b. Vay dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Vay dài hạn phải trả các tổ chức khác</b>	<b>137.729.414.697</b>	<b>137.729.414.697</b>
Vay dài hạn ngân hàng	76.756.165.378	76.756.165.378
- Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa <sup>(i)</sup>	49.643.880.978	49.643.880.978
- Vay dài hạn Quỹ đầu tư Phát triển Khánh Hòa <sup>(ii)</sup>	26.540.111.400	26.540.111.400
Vay dài hạn các tổ chức khác	60.967.231.653	60.973.249.319
- Vay dài hạn Ngân sách Tỉnh Khánh Hòa <sup>(iii)</sup>	60.967.231.653	60.973.249.319
<b>Cộng</b>	<b>137.151.224.031</b>	<b>137.729.414.697</b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa để “Nâng cấp cải tạo hệ thống cấp nước và vệ sinh Thành phố Nha Trang với hạn mức 135.392.400.978 VND, lãi suất 5%/năm (bao gồm phí quản lý cho vay lại 0,2%/năm), thời hạn vay 25 năm kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2000, thời hạn trả nợ gốc là 20 năm (mỗi năm 2 kỳ) kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2004. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

Đến thời điểm ngày 31/12/2008, Dự án “Nâng cấp cải tạo Hệ thống cấp nước và vệ sinh TP. Nha Trang”, được hình thành từ vốn vay ODA, đã hoàn thành và đưa vào sử dụng. Tuy nhiên, quyết toán toàn bộ dự án chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Vì vậy, Công ty chỉ ghi nhận nợ vay theo giá trị tài sản, vật tư, công cụ do Ban quản lý Dự án Cấp nước và vệ sinh TP. Nha Trang tạm bàn giao theo số liệu đã xác nhận nợ vay của Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Khánh Hòa. Sau khi chuyển sang Công ty Cổ phần toàn bộ giá trị tài sản, vật tư, công cụ vay từ vốn ODA đã được đánh giá lại và được xác định là tài sản của Công ty theo Quyết định số: 1416/QĐ- UBND ngày 17/06/2013 và Quyết định số 2140/QĐ-UBND ngày 29/08/2013 của UBND tỉnh Khánh Hòa về “Giá trị Doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Khánh Hòa”.

- (ii) Công ty có các khoản vay dài hạn Quỹ đầu tư Phát triển Khánh Hòa với chi tiết như sau:
- Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐTD-ĐTPT ngày 19 tháng 9 năm 2013 với hạn mức tín dụng 28 tỷ VND, mục đích vay để đầu tư dự án Cấp nước sạch Xã Vĩnh Lương, thời hạn vay là 102 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu (25/9/2013), thời gian ân hạn 06 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, lãi suất 8,29%/năm, biện pháp đảm bảo bằng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai - tài sản tại Nhà máy nước Võ Cạnh.
  - Hợp đồng tín dụng số 04/2015/HĐTD-ĐTPT ngày 30 tháng 10 năm 2015 với hạn mức 25 tỷ VND, mục đích vay dùng để đầu tư dự án “Cấp nước sạch Khu dân cư Diên Thủy, Diên Sơn và Diên Phú”, thời hạn vay là 90 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu từ ngày 14 tháng 12 năm 2015, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời gian trả nợ gốc 84 tháng, lãi suất 8,29%/năm, biện pháp đảm bảo bằng tài sản thế chấp hình thành trong tương lai - tài sản được hình thành từ vốn vay.
  - Hợp đồng tín dụng số 06/2016/HĐTD-ĐTPT ngày 21 tháng 11 năm 2016 với hạn mức 24,37 tỷ VND, mục đích vay dùng để đầu tư dự án “Đầu tư hệ thống cấp nước sạch cho đảo Trí Nguyên”, thời hạn vay là 105 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu từ ngày 25 tháng 11 năm 2016, thời gian ân hạn 9 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời gian trả nợ gốc 96 tháng, lãi suất 8,29%/năm, biện pháp đảm bảo bằng tài sản thế chấp hình thành trong tương lai - tài sản được hình thành từ vốn vay.
- (iii) Vay dài hạn Ngân sách Tỉnh Khánh Hòa để đầu tư nâng cấp mở rộng Nhà máy nước Võ Cạnh và lắp đặt hệ thống Lamella cho bể lắng Nhà máy nước Võ Cạnh thuộc Công ty Cổ phần Cấp thoát

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

nước Khánh Hòa với lãi suất 0%. Khoản vay này không đảm bảo với thời hạn trả nợ gốc 12 năm kể từ ngày công trình hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng.

#### 17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu kỳ	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	(521.159.000)	-	(441.760.000)	(962.919.000)
Quỹ phúc lợi	5.960.246.278	-	(59.806.000)	5.900.440.278
<b>Cộng</b>	<b>5.439.087.278</b>	<b>-</b>	<b>(501.566.000)</b>	<b>4.937.521.278</b>

#### 18. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Số đầu kỳ	1.924.769.662
Số đã sử dụng trong kỳ	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.924.769.662</b>

#### 19. Vốn chủ sở hữu

##### 19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

##### 19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Khánh Hòa	206.000.000.000	206.000.000.000
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	40.600.000.000	40.600.000.000
Các cổ đông khác	13.400.000.000	13.400.000.000
<b>Cộng</b>	<b>260.000.000.000</b>	<b>260.000.000.000</b>

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Khánh Hòa	206.000.000.000	79.23	206.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	40.600.000.000	15.62	40.600.000.000	-
Các cổ đông khác	13.400.000.000	5.15	13.400.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>260.000.000.000</b>	<b>100.00</b>	<b>260.000.000.000</b>	<b>-</b>

Trong kỳ, Công ty đã mua lại 24.000 cổ phiếu của cán bộ công nhân viên Công ty với số tiền 314.400.000 VND.

##### 19c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.000.000	26.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	26.000.000	26.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	26.000.000	26.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	24.000
- Cổ phiếu phổ thông	-	24.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.000.000	25.976.000
- Cổ phiếu phổ thông	26.000.000	25.976.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**20. Phân phối lợi nhuận**

Việc phân phối lợi nhuận chính xác sẽ do Đại Hội cổ đông quyết định vào ngày 21/04/2017. Trong kỳ Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận theo nội dung cuộc họp Hội đồng quản trị Ngày 15/03/2017 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	-
• Trích quỹ đầu tư phát triển	-
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý	-
• Lợi nhuận để lại chưa phân phối	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Quý 1/2018</u>	<u>Quý 1/2017</u>
Doanh thu sản xuất nước sạch	71.028.764.186	62.228.266.774
Doanh thu hoạt động xây lắp	4.027.379.044	2.573.398.861
Doanh thu khảo sát thiết kế	216.898.281	63.799.917
Doanh thu mua bán vật tư	250.000	5.146.363
<b>Cộng</b>	<b>75.273.291.511</b>	<b>64.870.611.915</b>

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Trong kỳ, Công ty cung cấp dịch vụ thi công xây lắp cho Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu với doanh thu là 1.426.201.818 đồng.

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<u>Quý 1/2018</u>	<u>Quý 1/2017</u>
Hàng bán bị trả lại	6.362.272	28.322.114
<b>Cộng</b>	<b>6.362.272</b>	<b>28.322.114</b>

**3. Giá vốn hàng bán**

	<u>Quý 1/2018</u>	<u>Quý 1/2017</u>
Giá vốn sản xuất nước	60.809.562.922	52.752.599.397
Giá vốn xây lắp	3.120.179.102	3.136.986.720
Giá vốn thiết kế	204.621.299	34.770.757
Giá vốn khác (bán/nhuộm vật tư...)	162.268	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Quý 1/2018</u>	<u>Quý 1/2017</u>
<b>Cộng</b>	<b>64.134.525.591</b>	<b>55.924.356.874</b>
<b>4. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	<u>Quý 1/2018</u>	<u>Quý 1/2017</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	171.629.376	465.951.507
<b>Cộng</b>	<b>171.629.376</b>	<b>465.951.507</b>
<b>5. Chi phí tài chính</b>		
	<u>Quý 1/2018</u>	<u>Quý 1/2017</u>
Chi phí lãi vay	1.287.118.244	1.315.161.451
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.287.118.244</b>	<b>1.315.161.451</b>
<b>6. Chi phí bán hàng</b>		
	<u>Quý 1/2018</u>	<u>Quý 1/2017</u>
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	306.287.563	12.600.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.000.000	108.000.000
Các chi phí khác	-	9.127.727
<b>Cộng</b>	<b>311.287.563</b>	<b>129.727.727</b>
<b>7. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
	<u>Quý 1/2018</u>	<u>Quý 1/2017</u>
Chi phí cho nhân viên	855.329.302	174.295.791
Chi phí vật liệu quản lý	5.000.000	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	141.393.182	58.863.636
Chi phí khấu hao tài sản cố định	86.922.213	70.945.698
Thuế, phí và lệ phí	6.392.000	24.363.636
Chi phí dự phòng	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	389.497.861	210.349.369
Các chi phí khác	362.307.022	-
<b>Cộng</b>	<b>1.846.841.580</b>	<b>949.689.934</b>
<b>8. Thu nhập khác</b>		
	<u>Quý 1/2018</u>	<u>Quý 1/2017</u>
Được thưởng, bồi thường	-	-
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	40.900.000	-
Thu từ phí bảo vệ môi trường giữ lại	970.817.699	1284.070.173
Thu nhập khác	12.340.183	32.860.195
<b>Cộng</b>	<b>1.024.057.882</b>	<b>1.316.930.368</b>
<b>9. Chi phí khác</b>		
	<u>Quý 1/2018</u>	<u>Quý 1/2017</u>
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý	-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Quý 1/2018</u>	<u>Quý 1/2017</u>
Khấu hao tài sản cố định cho thuê	-	-
Chi phí khấu hao của hợp tác đầu tư	-	-
Chi phí tiền xăng dầu	-	-
Chi phí bị phạt	-	-
Chi hỗ trợ phí bảo vệ môi trường và thoát nước đô thị	970.261.100	1.284.041.281
Chi phí khác	2.091	98.661.854
<b>Cộng</b>	<b><u>970.263.191</u></b>	<b><u>1.382.703.135</u></b>

**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Quý 1/2018</u>	<u>Quý 1/2017</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	17.390.265.211	6.768.857.351
Chi phí nhân công	15.808.031.378	12.417.541.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.560.570.868	20.090.565.616
Chi phí dịch vụ mua ngoài	621.035.833	934.577.340
Chi phí khác	2.580.901.241	15.520.195.335
<b>Cộng</b>	<b><u>59.960.804.531</u></b>	<b><u>55.731.736.642</u></b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt****1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu là công ty liên kết.

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b. Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3. V.12.

*Cam kết góp vốn*

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201574467 ngày 27 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp. Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu 24 tỷ VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo tài chính, Công ty đã đầu tư 24 tỷ VND. Công ty đã góp đủ vốn Điều lệ cho Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu là 24 tỷ VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

**2. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh**

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh cho các hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong kỳ, hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực: sản xuất nước sạch, hoạt động xây lắp, khảo sát thiết kế và bán vật tư. Báo cáo kết quả kinh doanh theo bộ phận thể hiện kết quả của lĩnh vực trong doanh trong kỳ như sau:

	<u>Quý 1/2018</u>	<u>Quý 1/2017</u>
<b>Hoạt động sản xuất nước sạch</b>		
Doanh thu	71.028.764.186	62.228.266.774
Giá vốn	60.809.562.922	52.752.599.397
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>10.219.201.264</b>	<b>9.475.667.377</b>
	<u>Quý 1/2018</u>	<u>Quý 1/2017</u>
<b>Hoạt động xây lắp</b>		
Doanh thu	4.027.379.044	2.573.398.861
Giảm giá hàng bán	-6.362.272	-
Giá vốn	3.120.179.102	3.136.986.720
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>907.199.942</b>	<b>(563.587.859)</b>
	<u>Quý 1/2018</u>	<u>Quý 1/2017</u>
<b>Hoạt động khảo sát, thiết kế</b>		
Doanh thu	216.898.281	63.799.917
Giá vốn	204.621.299	34.770.757
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>12.276.982</b>	<b>29.029.160</b>
	<u>Quý 1/2018</u>	<u>Quý 1/2017</u>
<b>Hoạt động khác (bán vật tư...)</b>		
Doanh thu	250.000	5.146.363
Giá vốn	162.268	-
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>87.732</b>	<b>5.146.363</b>
	<u>Quý 1/2018</u>	<u>Quý 1/2017</u>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>11.132.403.648</b>	<b>8.946.255.041</b>

Công ty không tiến hành lập Báo cáo bộ phận cho các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán do không đủ thông tin để tiến hành chia tách.

**2b. Thông tin về khu vực địa lý**

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

### 3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.



---

**Trần Thị Thu Hà**  
Người lập biểu

Khánh Hòa, ngày 17 tháng 04 năm 2018



---

**Nguyễn Văn Quân**  
Kế toán trưởng

**Trần Văn Huy**  
Tổng Giám đốc